**NỘI DUNG BÀI THI**

**PHẦN 1. NGÔN NGỮ**

**1.1 TIẾNG VIỆT**

1. Chọn từ đúng dưới đây để điền vào chỗ trống: “*Trăng quầng thì hạn, trăng… thì mưa.*”
   1. tỏ **B.** sang **C.** mờ **D.** tán
2. Truyện cổ tích *Tấm Cám* thể hiện nhiều mối quan hệ. Câu nào bên dưới đây không thể hiện mối quan hệ chính?
   1. Mối quan hệ giữa mẹ ghẻ và con chồng. **B.** Mối quan hệ giữa chị và em trong gia đình.

**C.** Mối quan hệ giữa thiện và ác. **D.** Mối quan hệ giữa nhà vua và dân chúng.

1. “*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi/ Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên/ Xanh kia thăm thẳm từng trên/ Vì ai gây dựng cho nên nỗi này*.” (*Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)

Đoạn thơ được viết theo thể thơ:

* 1. Lục bát. **B.** Ngũ ngôn. **C.** Song thất lục bát. **D.** Tự do.

1. “*Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng*

*Nách tường bông liễu bay sang láng giềng*.”

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Từ nào trong câu thơ trên được dùng với nghĩa chuyển?

* 1. Bông liễu. **B.** Nách tường. **C.** Láng giềng. **D.** Oanh vàng.

1. Điền vào chỗ trống trong câu thơ: “*Đưa người ta không đưa qua sông/ Sao có tiếng… ở trong lòng.*” (*Tống biệt hành* - Thâm Tâm)
   1. khóc **B.** gió **C.** sóng **D.** hát
2. “*Anh dắt em qua cầu/ Cởi áo đưa cho nhau/ Nhớ về nhà dối mẹ/ Gió bay rồi còn đâu.*”

(*Làng quan họ*, Nguyễn Phan Hách).

Đoạn thơ trên thuộc dòng thơ:

* 1. dân gian. **B.** trung đại. **C.** thơ Mới. **D.** thơ hiện đại.

1. Qua tác phẩm *Những đứa con trong gia đình*, Nguyễn Thi đã thể hiện rõ điều nào dưới đây?
   1. Sức sống tiềm tàng của những con người Tây Bắc
   2. Vẻ đẹp của thiên nhiên Nam Bộ
   3. Vẻ đẹp tâm hồn của người Nam Bộ
   4. Lòng yêu nước của những con người làng Xô Man
2. Chọn từ viết đúng chính tả trong các từ sau:
   1. Chất phát. **B.** Trau chuốc. **C.** Bàng hoàng. **D.** Lãng mạng.
3. Chọn từ viết đúng chính tả để điền vào chỗ trống trong câu sau: “Anh tôi là một người…”
   1. Chính trực, thẳn thắng. **B.** Trính trực, thẳn thắng.

**C.** Trính trực, thẳng thắn. **D.** Chính trực, thẳng thắn.

1. Từ nào bị sử dụng sai trong câu sau: “*Mặc cho bom rơi đạn lạc, người chiến sĩ vẫn ngang nhiên cầm súng xông ra chiến trường.”*
   1. xông ra. **B.** người chiến sĩ. **C.** ngang nhiên. **D.** đạn lạc.
2. Các từ *nhỏ mọn, xe cộ, chợ búa, chùa chiền, muông thú* là:
   1. từ ghép dựa trên 2 từ tố cónghĩa giống nhau. **B.** từ ghép dựa trên 2 từ tố có nghĩa khác nhau.

**C.** từ láy toàn thể. **D.** từ láy bộ phận.

1. “*Nhìn chung, Nguyễn Tuân là một người lắm tài mà cũng nhiều tật (1). Ngay những độc giả hâm mộ anh cũng cứ thấy lắm lúc vướng mắc khó chịu (2). Nhưng để bù lại, Nguyễn Tuân lại muốn dựa vào cái duyên khá mặn mà của mình chăng? (3). Cái duyên “tài tử” rất trẻ, rất vui, với những cách ăn nói suy nghĩ vừa tài hoa vừa độc đáo, vừa hóm hỉnh nghịch ngợm làm cho người đọc phải bật cười mà thể tất cho những cái “khó chịu” gai góc của phong cách anh*” *(4)*.

(*Con đường Nguyễn Tuân đi đến bút kí chống Mĩ,* Nguyễn Đăng Mạnh) Đặt trong ngữ cảnh của cả đoạn, chữ “tài tử” trong câu 4 có nghĩa là:

* 1. một thể loại âm nhạc của Nam Bộ. **B.** tư chất nghệ sĩ.

**C.** sự không chuyên, thiếu cố gắng. **D.** diễn viên điện ảnh nổi tiếng.

1. *“Rõ ràng là bằng mắt phải anh vẫn thấy hiện lên một cánh chim én chao đi chao lại. Mùa xuân đã đến rồi.”* (*Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*, Nguyễn Trung Thành)

Nhận xét về phép liên kết của hai câu văn trên.

* 1. Hai câu trên sử dụng phép liên tưởng. **B.** Hai câu trên không sử dụng phép liên kết.

**C.** Hai câu trên sử dụng phép liên kết đối. **D.** Hai câu trên sử dụng phép liên kết lặp.

1. *“Nhân dịp ông đi công tác ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên để chuẩn bị cho việc xây dựng một số tuyến đường giao thông theo dự án.”* Đây là câu:
   1. thiếu chủ ngữ. **B.** thiếu vị ngữ. **C.** thiếu chủ ngữ và vị ngữ. **D.** sai logic.
2. Trong các câu sau:
3. Trong ba ngày, lượng mưa kéo dài gây ra hiện tượng ngập úng ở nhiều khu vực.
4. Chí Phèo là hình tượng điển hình cho người nông dân bị tha hóa do nhà văn Nam Cao xây dựng trong tác phẩm cùng tên.
5. Ông lão nhìn con chó, đuôi vẫy lia lịa.
6. Tối hôm ấy, theo đúng hẹn, tôi đến nhà anh ấy chơi. Những câu nào mắc lỗi?

**A.** I và II. **B.** III và IV. **C.** I và III. **D.** II và IV.

## Dựa vào các thông tin được cung cấp dưới đây để trả lời các câu từ 16 đến 20

“*Bạn cũ ngồi than thở, nói ghét Sài Gòn lắm, chán Sài Gòn lắm, trời ơi, thèm ngồi giữa rơm rạ quê nhà lắm, nhớ Bé Năm Bé Chín lắm. Lần nào gặp nhau thì cũng nói nội dung đó, có lúc người nghe bực quá bèn hỏi vặt vẹo, nhớ sao không về. Bạn tròn mắt, về sao được, con cái học hành ở đây, công việc ở đây, miếng ăn ở đây.*

*Nghĩ, thương thành phố, thấy thành phố sao giống cô vợ dại dột, sống với anh chồng thẳng thừng tôi*

*không yêu cô, nhưng rồi đến bữa cơm, anh ta lại về nhà với vẻ mặt quạu đeo, đói meo, vợ vẫn mỉm cười dọn lên những món ăn ngon nhất mà cô có. Vừa ăn chồng vừa nói tôi không yêu cô. Ăn no anh chồng vẫn nói tôi không yêu cô. Cô nàng mù quáng chỉ thản nhiên mỉm cười, lo toan nấu nướng cho bữa chiều, bữa tối.*

*Bằng cách đó, thành phố yêu anh. Phố cũng không cần anh đáp lại tình yêu, không cần tìm cách xóa sạch đi quá khứ, bởi cũng chẳng cách nào người ta quên bỏ được thời thơ ấu, mối tình đầu. Của rạ của rơm, của khói đốt đồng, vườn cau, rặng bần... bên mé rạch. Lũ cá rúc vào những cái vũng nước quánh đi dưới nắng. Bầy chim trao trảo lao xao kêu quanh quầy chuối chín cây. Ai đó cất tiếng gọi trẻ con về bữa cơm chiều, chén đũa khua trong cái mùi thơm quặn của nồi kho quẹt. Xao động đến từng chi tiết nhỏ*”.

(Trích *Yêu người ngóng núi,* Nguyễn Ngọc Tư)

1. Phong cách ngôn ngữ của văn bản là:
   1. Sinh hoạt. **B.** Chính luận. **C.** Nghệ thuật. **D.** Báo chí.
2. Từ “quạu đeo” ở dòng thứ 2 trong đoạn văn thứ 2 có nghĩa là:
   1. bi lụy. **B.** hạnh phúc. **C.** cau có. **D.** vô cảm.
3. Phương thức biểu đạt chủ yếu của những câu văn: “*Lũ cá rúc vào những cái vũng nước quánh đi dưới nắng. Bầy chim trao trảo lao xao kêu quanh quầy chuối chín cây…*” là:
   1. tự sự. **B.** thuyết minh. **C.** nghị luận. **D.** miêu tả.
4. Trong đoạn văn thứ 3, “mối tình đầu” của “anh” là:
   1. thành phố. **B.** thị trấn trong sương.

**C.** vùng rơm rạ thanh bình, hồn hậu. **D.** làng chài ven biển.

1. Chủ đề chính của đoạn văn là:
   1. Nỗi nhớ quê của kẻ tha hương.
   2. Sự cưu mang của mảnh đất Sài Gòn.
   3. Niềm chán ghét khi phải tha phương cầu thực của người xa quê.
   4. Người chồng bạc bẽo.

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. D** | **3. C.** | **4. B** | **5. C** | **6. D** | **7. C** | **8. C** | **9. D** | **10. C** |
| **11. A** | **12. B** | **13. A** | **14. C** | **15. C** | **16. C** | **17. C** | **18. D** | **19. C** | **20. B** |

**PHẦN 1. NGÔN NGỮ**

* 1. **TIẾNG VIỆT**

1. **D**

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Thành ngữ*

## Cách giải:

Khái niệm: Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

*Trăng quầng thì hạn/ Trăng* ***tán*** *thì mưa*

## Chọn D.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Tấm Cám*

## Cách giải:

* Truyện cổ tích Tấm Cám là câu chuyện về cuộc đời Tấm thuộc loại truyện cổ tích thần kì. Truyện cổ tích thần kì có nguồn gốc xa xưa nhưng được phát triển trong xã hội có giai cấp cùng với sự xuất hiện của chế độ tư hữu tài sản, chế độ gia đình phụ quyền thời cổ.
* Truyện thể hiện xung đột chủ yếu giữa mẹ ghẻ và con chồng, chị và em trong gia đình. Từ đó tác giả dân gian khái quát mối quan hệ giữa thiện và ác trong xã hội.

## Chọn D.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các thể thơ đã học

## Cách giải:

Quan sát hình thức đoạn thơ ta sẽ thấy đoạn thơ gồm có 4 câu, 2 câu thơ đầu là 2 câu thơ 7 chữ, 2 câu thơ sau là một cặp lục bát.

## Chọn C.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ*

## Cách giải:

* Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. Từ nhiều nghĩa là kết quả của hiện tượng chuyển nghĩa.
* Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác. Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

**Từ** *nách*: “mặt dưới chỗ cánh tay nối với ngực” (Từ điển tiếng Việt – Hoàng Phê chủ biên).

Từ nách trong câu thơ trên của Nguyễn Du chỉ góc tường. Trong câu thơ này, Nguyễn Du đã chuyển nghĩa cho từ nách từ mang nghĩa chỉ vị trí trên thân thể con người sang nghĩa chỉ vị trí giao nhau giữa hai bức tường tạo nên một góc. Như thế từ nách trong câu thơ của Nguyễn Du được dùng theo nghĩa chuyển. Nó được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ

## Chọn B.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài *Tống biệt hành*

## Cách giải:

Đoạn thơ trong bài thơ “Tống biệt hành” trích đầy đủ như sau:

“*Đưa người ta không đưa qua sông Sao có tiếng* ***sóng*** *ở trong lòng.*” **Chọn C.**

## D

**Phương pháp:** Căn cứ vào tác giả, tác phẩm

## Cách giải:

Tác giả Nguyễn Phan Hách thuộc thế hệ các nhà thơ hiện đại Việt Nam. Bài thơ ra đời trong bối cảnh của văn học hiện đại Việt Nam.

## Chọn D.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài *Những đứa con trong gia đình*

## Cách giải:

* Nguyễn Thi là nhà văn gắn bó với nhân dân miền Nam bằng một tình cảm ân nghĩa thủy chung mà ông muốn gửi vào từng trang viết của mình. Ông được trân trọng coi là nhà văn của những người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước ác liệt.
* *Những đứa con trong gia đình* là thiên truyện ngắn xuất sắc, có vẻ đẹp độc đáo, thể hiện rõ đặc trưng bút pháp và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Thi, thấm đẫm chất sử thi và nồng nàn hương vị Nam Bộ. Thiên truyện ngắn cảm động của Nguyễn Thi viết về một gia đình nông dân Nam Bộ với những đứa con tiếp nối truyền thống yêu nước thương nhà cao quý, đẹp đẽ, mãnh liệt, thiết tha ấy.

## Chọn C.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Các từ: chất phát, chau truốc, lãng mạng sai do lẫn lộn các từ gần âm.

## Chọn C.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

Các đáp án còn lại viết sai lỗi chính tả.

## Chọn D.

1. **C**

**Phương pháp**: Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Từ “ngang nhiên” mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Ngang nhiên: tỏ ra bất chấp mọi quyền lực, mọi sự chống đối.

Sửa thành: Hiên ngang: tỏ ra đàng hoàng, tự tin, không chịu cúi đầu khuất phục trước mọi sự đe dọa.

## Chọn C.

1. **A**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Từ và cấu tạo từ tiếng Việt*

## Cách giải:

* Từ ghép có hai loại: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

+ Từ ghép chính phụ có tiếng chính đứng trước và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.

+ Từ ghép đẳng lập: có các tiếng bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp.

* Nghĩa của từ ghép:

+ Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.

+ Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

* Các từ *nhỏ mọn, xe cộ, chợ búa, chùa chiền, muông thú* đều có nghĩa giống nhau: nhỏ mọn (nhỏ bé, không đáng kể); xe cộ (cộ: “phương tiện vận chuyển không có bánh, do trâu bò kéo chạy trượt trên mặt đất”, thường dùng ở miền núi hoặc ruộng lầy); chợ búa (búa: cũng có nghĩa là “chợ”, thường họp trên một đám đất rộng, không có lều quán, không có phiên);…

## Chọn A.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ vào ngữ cảnh của câu văn

## Cách giải:

Từ “tài tử” có nghĩa là:

+ một thể loại âm nhạc của Nam Bộ.

+ tư chất nghệ sĩ.

+ sự không chuyên, thiếu cố gắng.

+ diễn viên điện ảnh nổi tiếng.

Tuy nhiên phân tích ta thấy các cụm từ tiếp nối ngay sau cụm từ *Cái duyên “tài tử” rất trẻ, rất vui* là cụm từ

*với những cách ăn nói suy nghĩ vừa tài hoa vừa độc đáo, vừa hóm hỉnh nghịch ngợm*. Như vậy ý nghĩa phù hợp trong văn cảnh trên là “tư chất nghệ sĩ”.

## Chọn B.

1. **A**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Liên kết câu và liên kết đoạn văn*

## Cách giải:

* Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.
* Về hình thức, các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính như sau:

+ Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước (phép lặp từ ngữ)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước (phép đòng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước (phép thế)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước (phép nối)

* Câu trên sử dụng phép liên tưởng: Mùa xuân, chim én

## Chọn A.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi thiếu chủ ngữ, vị ngữ*

## Cách giải:

* Câu thiếu chủ ngữ
* Câu thiếu vị ngữ
* Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ

Câu trên chỉ có phần trạng ngữ, chưa có chủ ngữ và vị ngữ.

## Chọn C.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

## Chọn C.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ đặc điểm các phong cách ngôn ngữ đã học

## Cách giải:

* Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, xếp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mĩ.
* Đặc trưng cơ bản:

+ Tính hình tượng

+ Tính truyền cảm

+ Tính cá thể hóa

* Đoạn văn trên thỏa mãn các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật.

+ Tính hình tượng: Hình tượng “thành phố” được xây dựng bằng những biện pháp nghệ thuật so sánh (như cô vợ dại dột) và nhân hóa (phố cũng yêu anh). Từ đó tác giả khái quát thành sự cưu mang của thành phố đối với con người và tình cảm con người dành cho thành phố.

+ Tính truyền cảm: Bằng việc sử dụng những thủ pháp nghệ thuật so sánh và nhân hóa, tác giả đã khơi gợi được lòng đồng cảm của người đọc với những tâm tư của nhân vật trong đoạn văn: sự buồn chán thành phố nhưng vì những nhu cầu mưu sinh mà vẫn phải gắn bó, sự tiếc nuối kí ức tuổi thơ.

+ Tính cá thể hóa: Đoạn văn mang đậm phong cách của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư: tình cảm, day dứt và nhiều

suy tư

## Chọn C.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài *Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội*

## Cách giải:

Từ “quạu đeo” là phương ngữ miền Nam, chỉ trạng thái con người nhăn nhó vì bực dọc, khó chịu.

## Chọn C.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các phương thức biểu đạt đã học

## Cách giải:

Miêu tả là sử dụng ngôn ngữ hoặc màu sắc, đường nét, nhạc điệu để làm cho người khác hình dung được hình thức các sự vật hoặc hình dáng, tâm trạng trong khung cảnh nào đó.

Trong câu văn trên, tác giả miêu tả hoạt động của lũ cá và bầy chim.

## Chọn D.

1. **C**

**Phương pháp:** Đọc, tìm ý

## Cách giải:

Căn cứ vào các câu văn: *Phố cũng không cần anh đáp lại tình yêu, không cần tìm cách xóa sạch đi quá khứ, bởi cũng chẳng cách nào người ta quên bỏ được thời thơ ấu, mối tình đầu. Của rạ của rơm, của khói đốt đồng, vườn cau, rặng bần... bên mé rạch. Lũ cá rúc vào những cái vũng nước quánh đi dưới nắng. Bầy chim trao trảo lao xao kêu quanh quầy chuối chín cây. Ai đó cất tiếng gọi trẻ con về bữa cơm chiều, chén đũa khua trong cái mùi thơm quặn của nồi kho quẹt.*

## Chọn C.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ nội dung đoạn văn

## Cách giải:

Đoạn văn viết về sự nuôi sống, đùm bọc của mảnh đất Sài Gòn dành cho nhân vật trữ tình.

## Chọn B.